

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

Thực hiện Công văn số 752/UBND-GD ngày 14/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, về việc lập Kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025. Trường THCS Hiệp Hoà lập kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

I. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1. Thuận lợi:

Trường được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo thị xã, lãnh đạo PGD&ĐT, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự ủng hộ nhiệt tình của các bậc phụ huynh học sinh.

Trường có một số thành tích đáng kể trong các phong trào thi đua, nhiều năm đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến Xuất sắc được UBND tỉnh, BGD tặng bằng khen, cờ thi đua, Chi bộ luôn Hoàn thành tốt nhiệm vụ, và hoàn thành XSNV; công đoàn vững mạnh XS được nhận Bằng khen của Tổng liên đoàn.

Đội ngũ giáo viên

tâm huyết với nghề, được đào tạo chuẩn, yên tâm công tác, có trình độ tay nghề vững vàng. Học sinh có truyền thống hiếu học, đa số các em ngoan, lễ phép với thầy cô giáo, nhiều em có ý thức vươn lên trong học tập.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường cơ bản đáp ứng cho hoạt động dạy và học 1 ca/ ngày.

2. Khó khăn.

- Chưa có khu hiệu bộ, và một số phòng công vụ khác.
- Chưa có nhà tập đa năng
- Một số giáo viên trẻ có nhiệt tình, có kiến thức, tuy nhiên kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế. Một số giáo viên có tuổi hạn chế về công nghệ thông tin, một số ít ngại đổi mới.

- Gia đình học sinh chủ yếu làm nghề thuần nông, nhận thức còn nhiều hạn chế nên việc đầu tư, quan tâm cho con em tới trường chưa được cao, chưa thực sự coi việc học là phát triển. Một số gia đình chưa thực sự quan tâm đến việc học của trẻ, vẫn có tư tưởng phó mặc cho nhà trường, do phụ huynh còn phải đi làm kinh tế nên không có điều kiện quan tâm đến việc học của con em mình.

Chất lượng tuyển sinh học sinh vào lớp 6 đầu cấp còn thấp, do nhà trường tuyển tối đa 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 nên còn một số ít em chưa theo kịp các bạn cùng trang lứa.

2. Các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến sự phát triển giáo dục.

Thực tiễn chuyển đổi cơ chế và phát triển kinh tế đòi hỏi giáo dục phải tiếp cận và thích nghi với cơ chế mới, phải luôn phát triển và đi trước một bước đón đầu sự phát triển của xã hội.

Môi trường và các điều kiện giáo dục có ảnh hưởng quan trọng đến chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục.

Nhận thức và sự tham gia của người dân về giáo dục, nhu cầu học tập trên địa bàn xã được nâng cao. Đời sống nhân dân được cải thiện, môi trường gia đình lành mạnh

Hệ thống truyền thông hướng vào việc tuyên truyền, tư vấn và hỗ trợ học tập.

Chế độ chính sách liên quan đến giáo dục đã được quan tâm kịp thời.

Chương trình, nội dung giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học là điều kiện quyết định của môi trường giáo dục.

Nâng cao chất lượng giáo dục cần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Thường xuyên nâng cao kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Học sinh xác định được động cơ học tập của mình để tham gia vào các hoạt động giáo dục tích cực.

II. Quy mô trường, lớp, học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024.

1.1. Quy mô cơ sở giáo dục.

Năm học 2023-2024, Trường THCS Hiệp Hòa có 18 lớp với tổng số 794 học sinh (**tăng so với cuối năm học trước 134 học sinh**).

Trong đó: Khối lớp 6: 06 lớp = 257 học sinh.

Khối lớp 7: 04 lớp = 181 học sinh

Khối lớp 8: 04 lớp = 178 học sinh.

Khối lớp 9: 04 lớp = 178 học sinh.

Công tác tuyển sinh: - Tổng số trẻ 11 tuổi huy động vào lớp 6 đạt tỷ lệ 100%. Tuyển sinh theo đúng vùng tuyển đã được quy định trong QĐ số định số 1052/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, về việc phân vùng tuyển sinh vào lớp 6 các trường Tiểu học và THCS năm học 2023- 2024

- Số học sinh chuyển đến học tại trường: 08 em.

- 100% học sinh không vi phạm Luật, không có học sinh vi phạm các tệ nạn xã hội, không có học sinh vi phạm các hành vi đạo đức.

Công tác tuyển sinh: - Tổng số trẻ 11 tuổi huy động vào lớp 6 đạt tỷ lệ 100%. Tuyển sinh theo đúng vùng tuyển đã được quy định trong QĐ số định số 1052/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên, về việc phân vùng tuyển sinh vào lớp 6 các trường Tiểu học và THCS năm học 2023- 2024

2. Kế hoạch năm học 2024-2025.

Năm học 2024-2025, Trường THCS Hiệp Hòa có 19 lớp với tổng số 833 học sinh.

Trong đó: Khối lớp 6: 05 lớp = 217 học sinh.

Khối lớp 7: 06 lớp = 257 học sinh

Khối lớp 8: 04 lớp = 181 học sinh.

Khối lớp 9: 04 lớp = 178 học sinh.

III. Việc huy động học sinh.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024.

- Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6: 257/257.

- Tỷ lệ HSTHCS học 2 buổi/ngày 178. (trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: 03 học sinh).

- Tỷ lệ học sinh TNTHCS vào lớp 10: 74 (trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: Không).

- Tỷ lệ phân luồng học sinh sau TNTHCS chiếm tỷ lệ 30%.

- **Công tác phổ cập giáo dục:** Bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp tiểu học vào học lớp 6: $225/225=100\%$

+ Tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp năm qua (2 hệ): $99/99=100\%$

+ Tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 - 18 tuổi TN THCS: $494/499=99,0\%$

+ Tỷ lệ thanh, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 - 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt: $494/499=99,0\%$

2. Kế hoạch năm học 2024-2025.

- Tỷ lệ huy động học sinh HTCTTH vào lớp 6 là: 217 (trong đó số HS là người dân tộc thiểu số: Không người).

- Tỷ lệ HSTHCS học 2 buổi/ngày 181 (trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: không người)

- Tỷ lệ học sinh TNTHCS vào lớp 10: 85(trong đó học sinh là người dân tộc thiểu số: không người).

- Tỷ lệ phân luồng học sinh sau TNTHCS: 63/178 đạt tỷ lệ 35,4%.

- Công tác phổ cập xoá mù chữ: Duy trì và giữ vững phổ cập THCS mức độ 3, xoá mù chữ mức độ 2.

- Số lượng giáo viên ngoại ngữ theo chương trình GDPT 2018: 04 người.

- Số lượng giáo viên Tin học theo chương trình GDPT 2018: 02 người.

- So với năm học 2023-2024: Số lớp tăng 01 lớp; số học sinh tăng 34 học sinh.

IV. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

1. Kết quả năm học 2023-2024.

1.1- Số lượng người được giao: 40 người; trong đó CBQL 02; GV 34; Nhân viên 04;

1.2- Số lượng người có mặt đến tháng 12/2023: 37 người; trong đó CBQL 02; Giáo viên 32; Nhân viên 03;

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn: Trình độ Thạc sĩ: $01/37 = 2,7\%$; ĐH $28/37 = 75,7\%$; CĐ $04/37 = 10,8\%$; Trung cấp: $02/37 = 5,4\%$);

Trong đó: CBQL 02 (ĐH 02); giáo viên văn hoá 32 (Th.sĩ $01/32 = 3,1\%$; ĐH $27/32 = 84,4\%$, CĐ $04/32 = 12,5\%$); Nhân viên 03 (Văn thư - Thủ quỹ: 01; Kế toán: 01; Thư viện – Thiết bị: 01 (TC: 01)); Trình độ đạt chuẩn CBGV $27/32 = 84,4\%$; Trình độ trên chuẩn $01/32 = 3,1\%$; Trình độ chưa đạt chuẩn $04/32 = 12,5\%$.

+ Giáo viên 32: Toán: 06; KHTN 04; Văn: 07; Lịch sử và Địa lý 03; Tiếng anh 04; Tin 02; TD: 02; KT: Không; Nhạc: 01; Mỹ thuật: 01; GD CD: 01.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,78;

1.3- Kết quả bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên. Thực hiện theo công văn số 308/PGD&ĐT-TCCB ngày 12/6/2020 của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao nhận thức, chính trị tư tưởng và nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo Luật giáo dục 2019 và nâng cao chuẩn trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho giáo viên nhà trường. Số giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn là 04 (tỷ lệ $12,5\%$). Rà soát đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng giáo viên đảm bảo số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu, nhất là giáo viên các môn Ngữ văn, Toán và các môn học tích hợp đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

100% cán bộ giáo viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm với nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo. Mẫu mực với học sinh, có lối sống lành mạnh, văn minh, chuẩn mực, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, ứng xử thân thiện với học sinh.

Đại đa số cán bộ giáo viên có kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn tương đối tốt đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học và giáo dục theo yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023-2024 theo công văn số 636/PGD&ĐT-CMTHCS ngày 17/8/2023 của Phòng GD&ĐT về việc triển khai tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và giáo viên cấp trung học cơ sở. Chú trọng và nâng cao ý thức tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên. Chuẩn bị tốt đội ngũ bồi dưỡng dạy lớp 6,7,8. Giáo viên, cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên năm học 2023-2024 theo Điều 8, Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT. Thực hiện hoàn thành việc bồi dưỡng các modul trong chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch. Căn cứ theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về chuyên môn và nghiệp vụ; Chú trọng và nâng cao ý thức tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên.

1.4- Đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình GDPT 2018.

Thực trạng: Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên hiện có 37 (Trình độ Thạc sĩ: $01/37 = 2,7\%$; ĐH $28/37 = 75,7\%$; CĐ $04/37 = 10,8\%$; Trung cấp: $02/37 = 5,4\%$);

Trong đó: CBQL 02 (ĐH 02); giáo viên văn hoá 32 (Th.sĩ 01/32 = 3,1%; ĐH 27/32 = 84,4%, CĐ 04/32 = 12,5%); Nhân viên 03 (Văn thư - Thủ quỹ: 01; Kế toán: 01; Thư viện – Thiết bị: 01 (TC: 01); Trình độ đạt chuẩn CBGV 27/32 = 84,4%; Trình độ trên chuẩn 01/32 = 3,1%; Trình độ chưa đạt chuẩn 04/32 = 12,5%.+ Giáo viên 32: Toán: 06; KHTN 04; Văn: 07; Lịch sử và Địa lý 03; Tiếng anh 04; Tin 02; TD: 02; KT: Không; Nhạc: 01; Mỹ thuật: 01; GD&ĐT: 01. Tỷ lệ giáo viên đứng lớp chiếm 1,78%.

Thuận lợi: 100% cán bộ giáo viên có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm với nghề nghiệp, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo. Mẫu mực với học sinh, có lối sống lành mạnh, văn minh, chuẩn mực, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, ứng xử thân thiện với học sinh.

Đại đa số cán bộ giáo viên có kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn tương đối tốt đáp ứng yêu cầu của hoạt động dạy học và giáo dục theo yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đầu năm học nhà trường thực hiện nghiêm túc phân loại, sàng lọc đội ngũ, phân công sử dụng đội ngũ có hiệu quả, đúng người đúng việc. Phân công giáo viên giảng dạy chương trình GDPT 2018 đối với lớp 6,7,8 phù hợp với năng lực chuyên môn.

Khó khăn: Nhà trường hiện nay còn thiếu khu nhà Hiệu bộ và một số phòng học chức năng và thiếu 03 giáo viên giảng dạy ở bộ môn Vật lý, Công nghệ; Lịch sử và địa lý.

Biện pháp khắc phục: Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, phân công cho giáo viên thực hiện giảng dạy các môn đảm bảo đủ theo chương trình GDPT 2018.

1.5- Tình hình triển khai đề án đã được phê duyệt: Nhà trường không thực hiện.

2. Kế hoạch năm học 2024-2025.

2.1. Tổng số người làm việc theo định biên: 44 người. Trong đó CBQL 03; Giáo viên 36; Nhân viên 05.

2.2. Tổng số người làm việc có mặt dự kiến đến tháng 9/2024: 40 người. Trong đó CBQL 02; Giáo viên 35; Nhân viên 03.

2.3. Kế hoạch đội ngũ để thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Đủ số lượng và cân đối về cơ cấu: Đủ số lượng 35 giáo viên; Cân đối cơ cấu bộ môn: Giáo viên cao đẳng Toán sắp nghỉ hưu đề nghị bố trí bổ sung giáo viên có trình độ Sinh Hóa dạy môn KHTN;

- Chuẩn nghề nghiệp GV: Tốt 32/32 đồng chí. Bồi dưỡng trong năm: Năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng chương trình GDPT 2018, BDTX theo chương trình BDTX của Bộ GD&ĐT.

2.4. Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên.

- Động viên, tạo điều kiện cho giáo viên học đạt trình độ chuẩn theo Luật giáo dục 2019, số người đề nghị đi học để nâng cao trình độ chuẩn 01 người.

- Tham mưu với cơ quan quản lý có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh giáo

viên đảm bảo đủ số lượng, cân đối cơ cấu theo yêu cầu.

- Cử nhân viên tham gia lớp bồi dưỡng các nhiệm vụ kiểm nhiệm.
- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn.

3. Nhận xét, đánh giá.

- Đội ngũ giáo viên nhà trường đã được quan tâm, tạo điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Giáo viên có ý thức tự bồi dưỡng và trau dồi phương pháp dạy học, đặc biệt là chương trình giáo dục phổ thông 2018.

V. Cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia năm học 2023-2024 và kế hoạch của năm 2024-2025.

1. Kết quả năm học 2023-2024.

- Thực hiện sửa chữa, nâng cấp đường điện và bổ sung trang thiết bị dạy và học.

2. Kế hoạch thực hiện năm 2024-2025.

- Lập kế hoạch xây dựng khu nhà hiệu bộ và một số phòng học chức năng.

3. Nhận xét đánh giá.

Trường THCS Hiệp Hòa chính thức được tái thành lập năm 1996. Trường được đầu tư công xây dựng mới tại thôn 2, xã Hiệp Hoà vào năm 2019. Diện tích khu đất xây dựng trường là 6742m². Trên khu đất của trường đang sử dụng được bố trí 01 dãy nhà học kiên cố 4 tầng có 16 phòng học; 01 dãy nhà học bộ môn 3 tầng có 07 phòng, và 09 phòng nhỏ (kho); Hiện tại nhà trường chưa có khu nhà hiệu bộ.

Trường THCS Hiệp Hòa, thị xã Quảng Yên được xây mới và đưa vào sử dụng năm 2018

Diện tích các phòng học, khu vệ sinh đã đáp ứng được tiêu chuẩn quy định của điều lệ trường THCS tuy nhiên sân chơi, khu chức năng chưa đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định của điều lệ trường THCS , trong đó:

- Dãy nhà 4 tầng gồm 16 phòng học(Thiếu 02 phòng). Dãy nhà chức năng có 07 phòng được sử dụng làm 03 phòng bộ môn và 01 phòng thư viện, 02 phòng học, 01 phòng hội đồng . Hiện tại bình quân 44 học sinh/ lớp. Số lượng học sinh 2023-2024: Tổng khối lớp 9: 04 lớp - 179 học sinh; tổng khối lớp 8: 4 lớp - 178 học sinh; tổng số khối lớp 7: 4 lớp – 181 học sinh; tổng số khối lớp 6: 6 lớp – 257 học sinh; Như vậy với cơ sở vật chất hiện tại của nhà trường với dự kiến từ 2022-2025 của nhà trường sẽ thiếu phòng học bộ môn theo chương trình GDPT 2018

khu nhà hiệu bộ và một số phòng hành chính khác.

VI. Tổng kinh phí.

1. Kết quả thực hiện năm học 2023-2024.

1.1. Tổng kinh phí được cấp:

- Kinh phí chi thường xuyên, chi cho thanh toán cá nhân đạt tỷ lệ:

1.2. Kinh phí không thường xuyên (kinh phí tự chủ):

1.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất:

1.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về phòng GD&ĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương):

1.5. Việc thực hiện tự chủ: Không.

1.6. Nhận xét, đánh giá: Thực kinh phí chi thường xuyên, chi thanh toán cho cá nhân đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước.

2. Dự toán năm 2024.

2.1. Tổng kinh phí được cấp:

- Kinh phí chi thường xuyên, chi cho thanh toán cá nhân. Đạt tỷ lệ:

2.2. Kinh phí không chi thường xuyên (không tự chủ):

2.3. Chi chế độ chính sách học sinh; chi mua sắm cơ sở vật chất:

2.4. Chi đầu tư (bao gồm cả phần được giao về PGD&ĐT và phần được điều hành tại Ban quản lý dự án địa phương):

2.5. Việc thực hiện tự chủ: Không.

3. Nhận xét, đánh giá.

VII. Kiến nghị, đề xuất.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);

LưuVT

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thuý Quỳnh

